CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Gang thép Thái Nguyên

Ngày 31/03/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.6%	**0%**	**-**

DT thuần
Q1/25
2,832
tỷ VNĐ
QoQ: ▼125| -4.2%
YoY: ▲ 649| 29.7%

LN thuần
Q1/25
-8.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.1| -132%
YoY: ▼17.1| -210%

LN sau thuế
Q1/25
-9.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼83.5| -112%
YoY: ▼15.1| -254%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.7%
YoY: +/-▼ 3.1%

ROE (TTM)
Q1/25
-1.3%
YoY: +/-▼ 0.9%

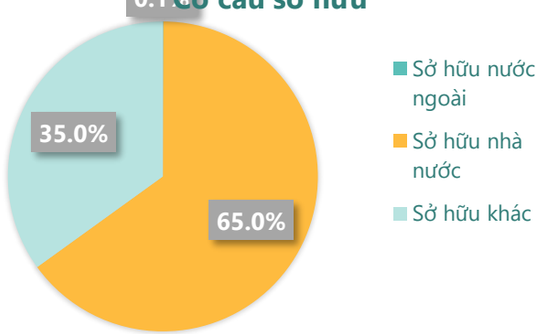
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,122
Số lượng CPLH (CP)	183,988,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,250
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	-110
P/E	-55.4

DT thuần
2024
10,601
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,070| 11.2%

LN thuần
2024
-62.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 131| 67.8%

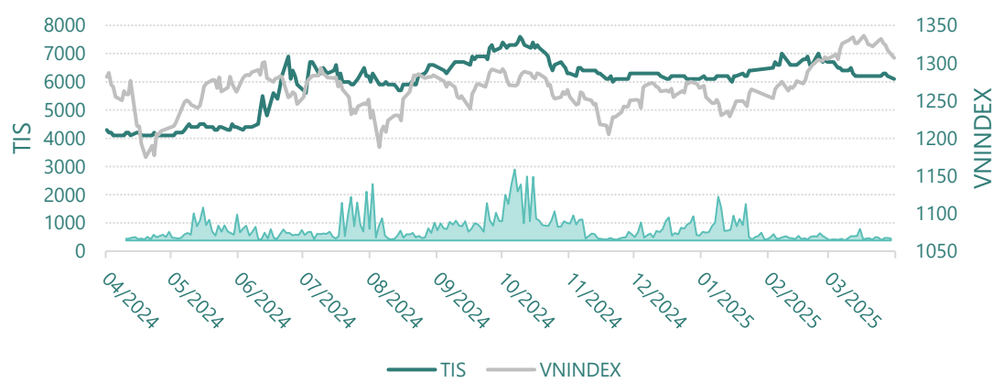
LN sau thuế
2024
-7.67
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 168| 95.7%

Cơ cấu sở hữu

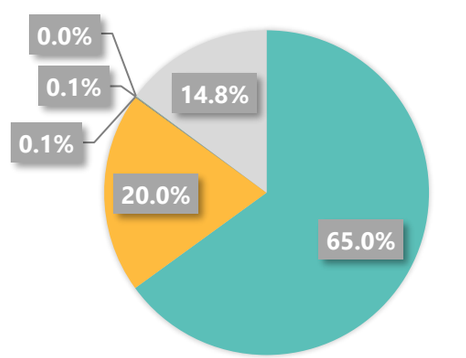


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

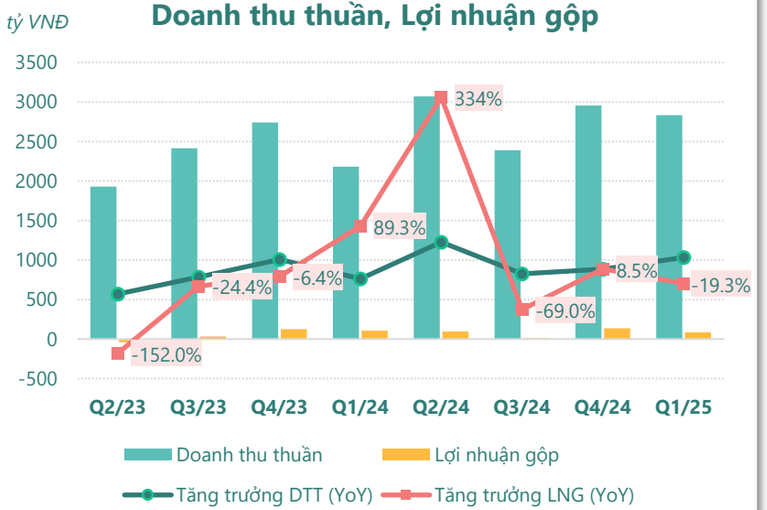


- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- CTCP Thương mại Thái Hưng
- Nguyễn Thị Tố Khuê
- Đỗ Trung Kiên
- Hoàng Ngọc Diệp
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

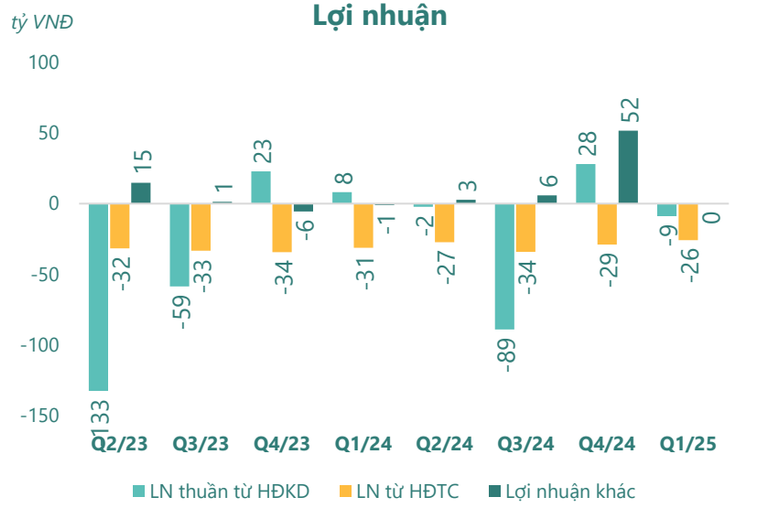
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



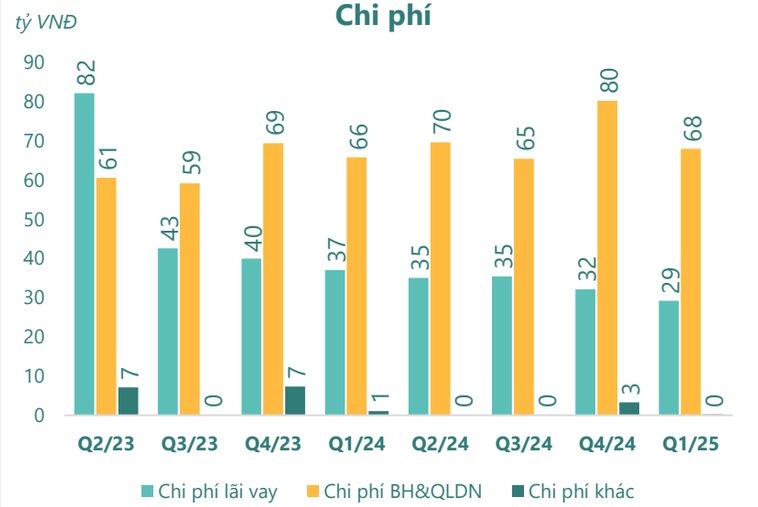
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



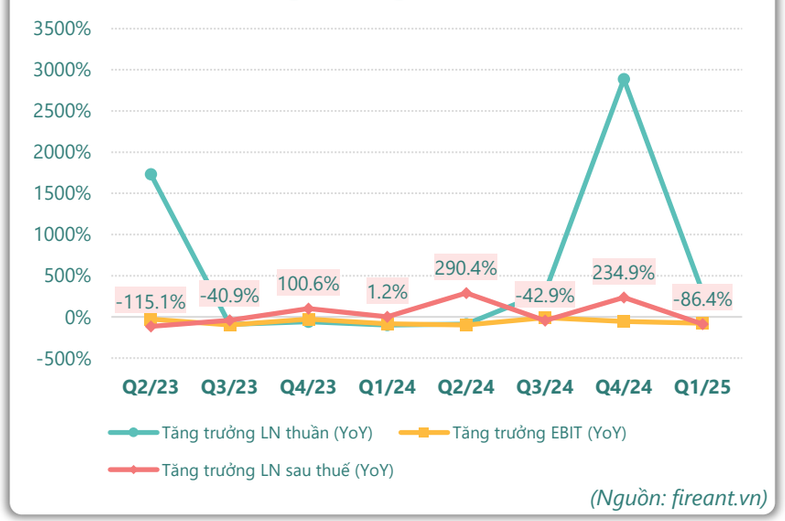
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



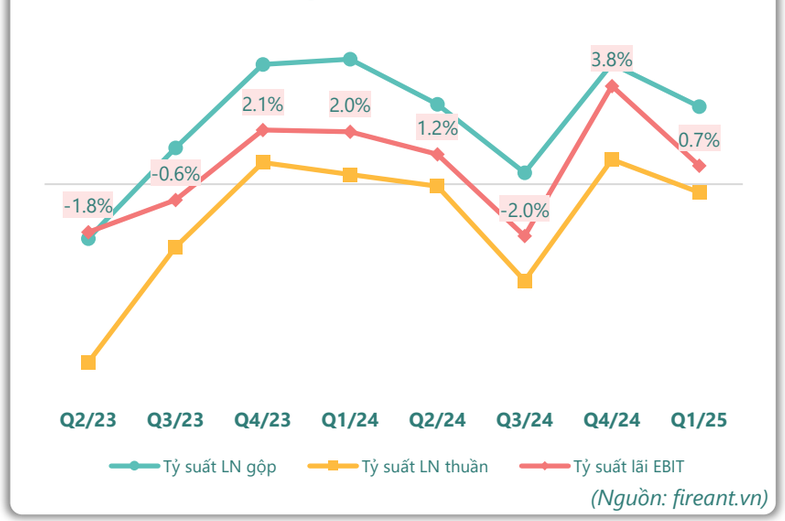
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



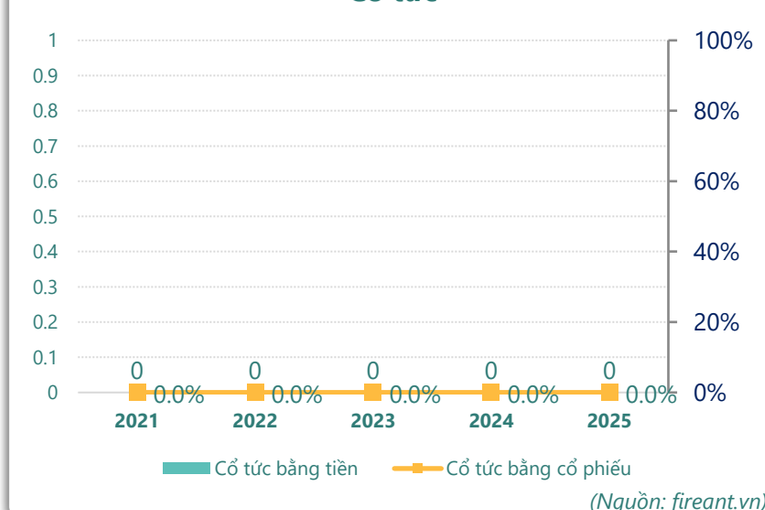
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

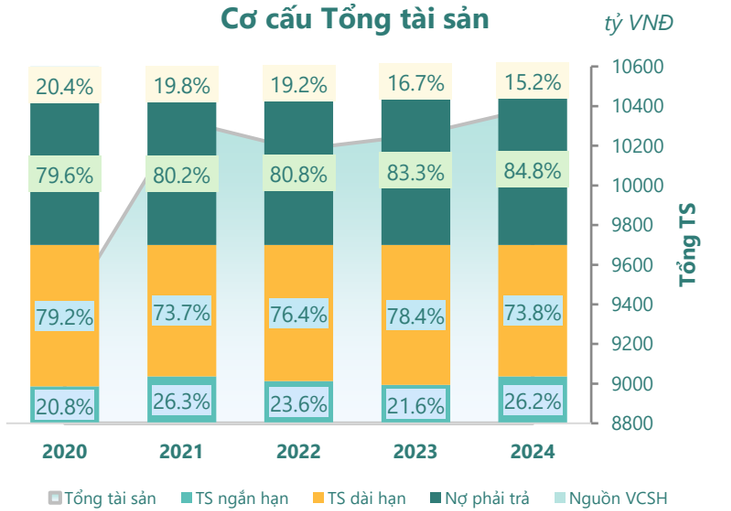
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

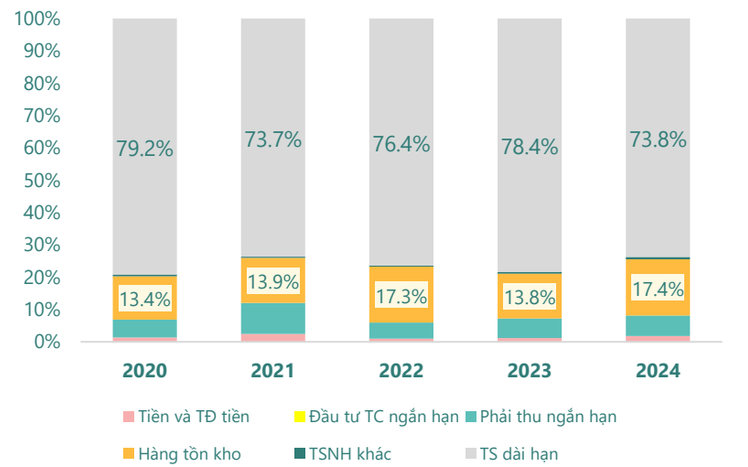
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



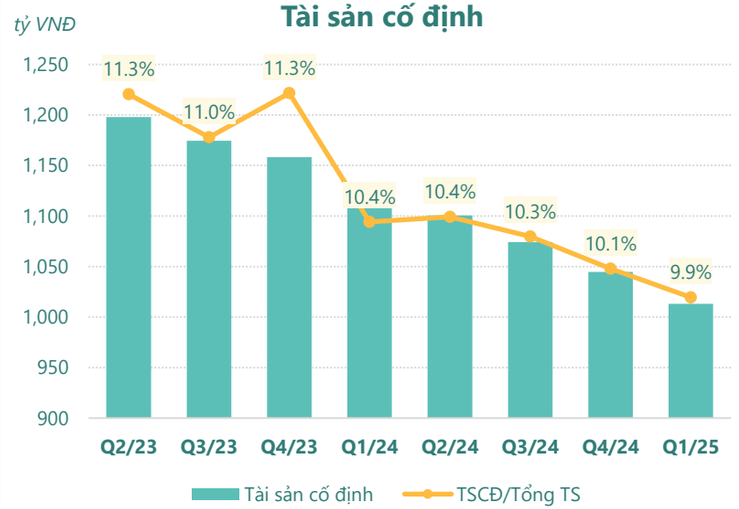
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



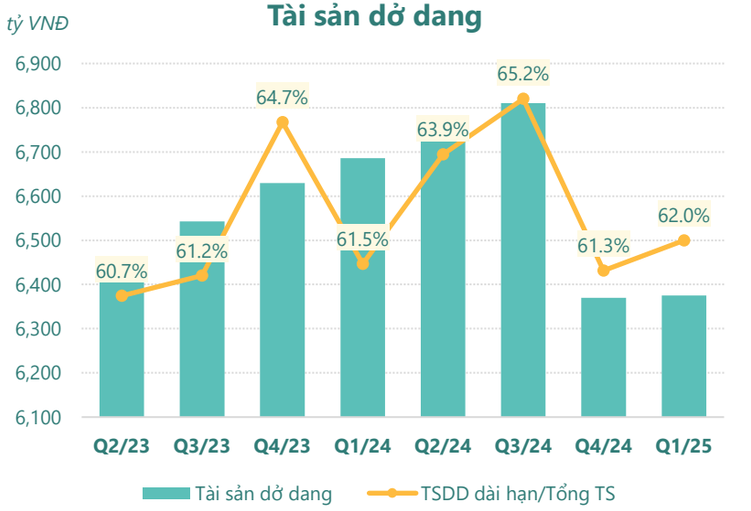
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



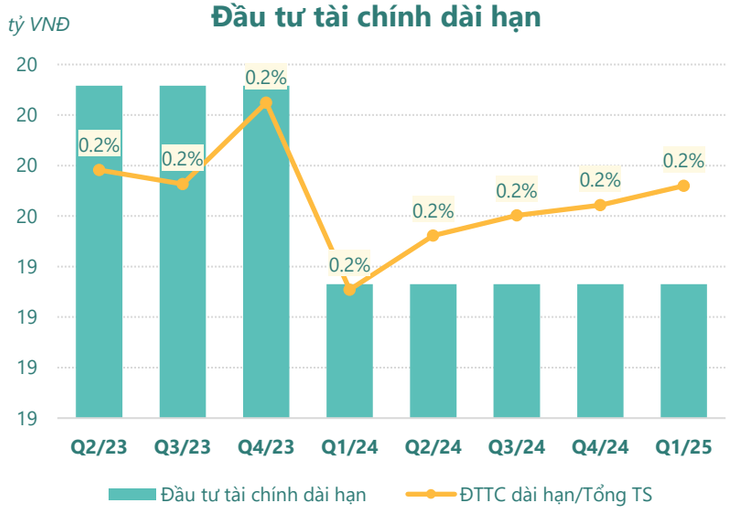
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



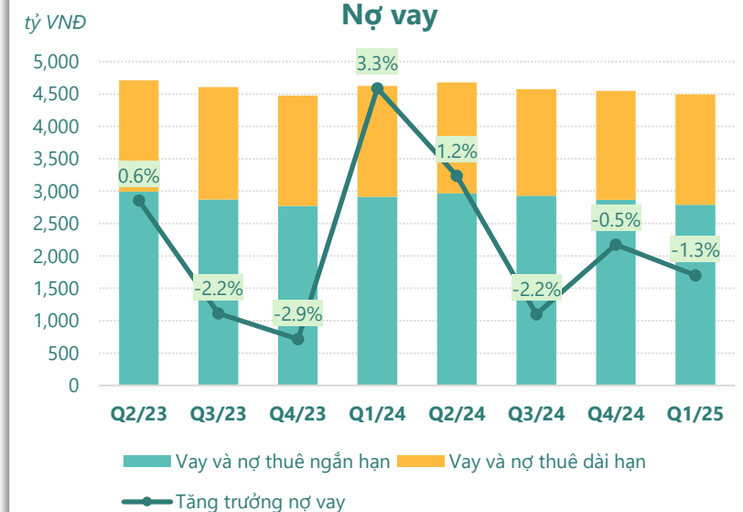
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

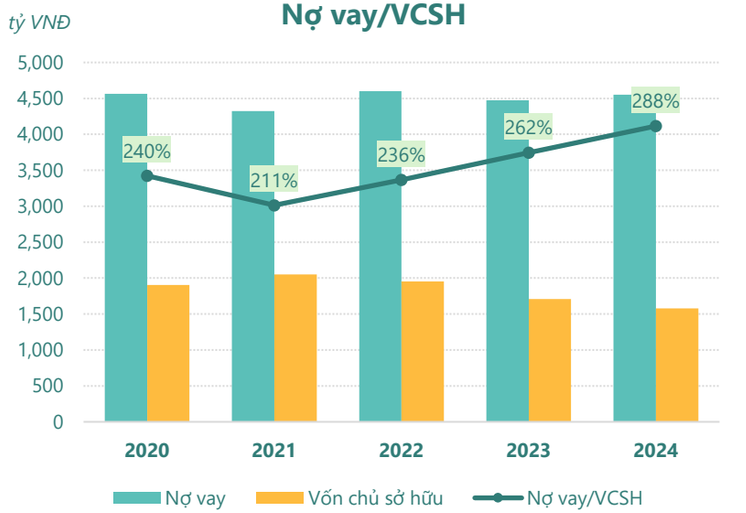
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



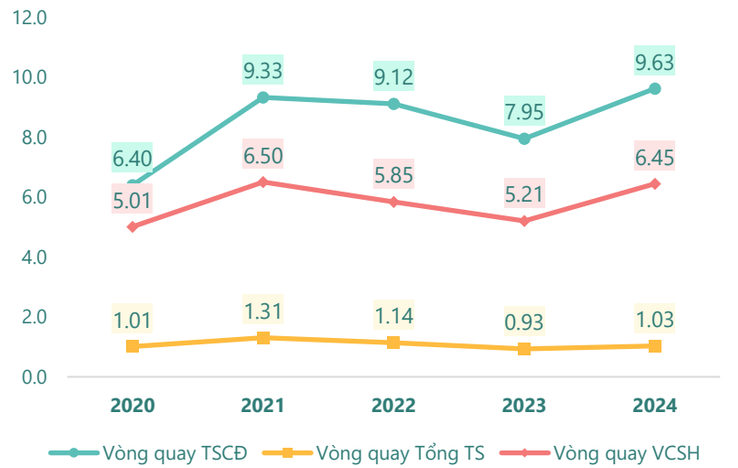
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



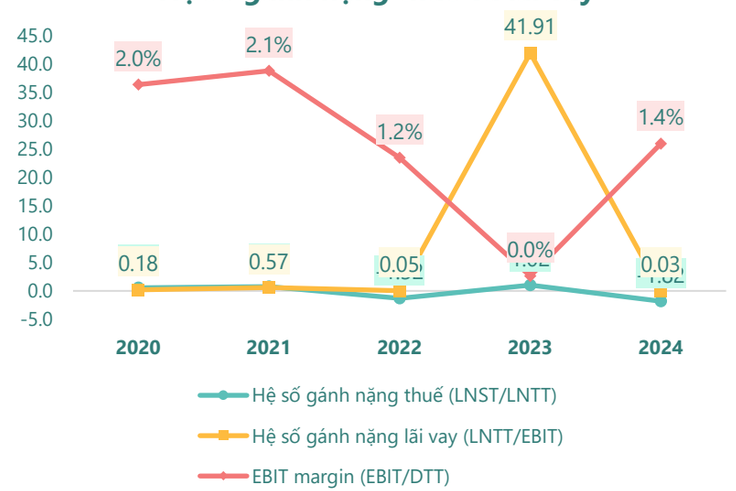
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



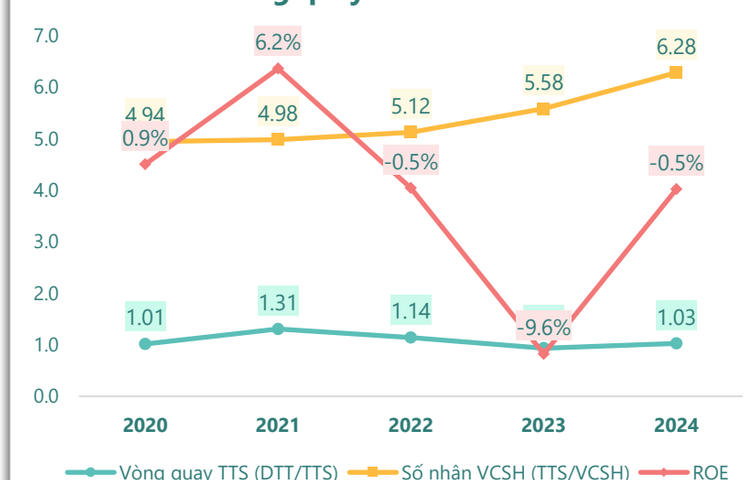
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



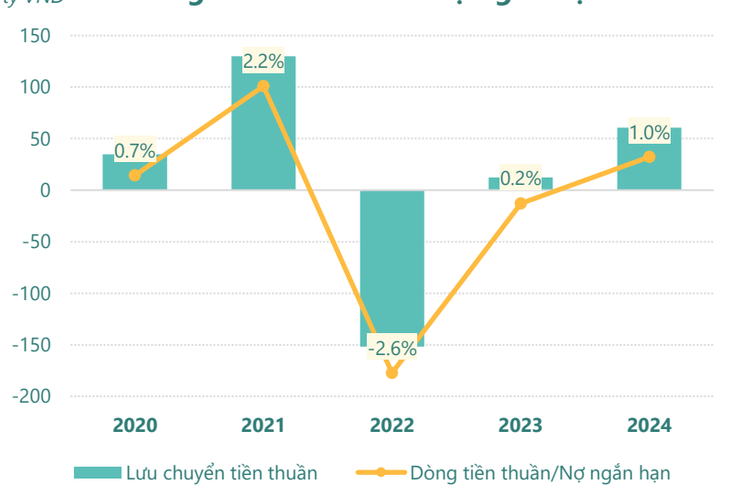
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,832**	**2,183**	**29.7%**	**10,601**	**9,531**	**11.2%**
Giá vốn hàng bán	2,747	2,077	32.3%	10,261	9,358	9.6%
Lợi nhuận gộp	84.9	105	-19.1%	341	173	97.3%
Doanh thu HĐTC	4.00	5.91	-32.3%	19.3	31.0	-37.8%
Chi phí TC	29.9	37.2	-19.6%	141	173	-18.8%
Chi phí lãi vay	29.2	37.0	-21.0%	140	169	-17.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.4	10.8	33.7%	51.0	53.7	-5.1%
Chi phí QLDN	**53.5**	**55.1**	**-2.9%**	**230**	**169**	**36.1%**
LN thuần từ HĐKD	-8.98	8.14	-210%	-62.1	-193	67.8%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.99**	**97.0%**	**66.3**	**19.5**	**240%**
LN trước thuế	-9.01	7.15	-226%	4.22	-173	102%
Lợi nhuận sau thuế	**-9.17**	**5.97**	**-254%**	**-7.67**	**-176**	**95.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-9.20**	**5.68**	**-262%**	**-8.38**	**-177**	**95.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	146	-144	73.9	84.5	61.9	-65.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.8	-4.23	-2.14	-2.63	1.01	-4.64
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-126	110	24.8	-55.9	-78.0	-77.0
Tiền đầu kỳ	109	117	78.6	175	201	178
Lưu chuyển tiền thuần	**8.17**	**-38.3**	**96.6**	**26.0**	**-15.0**	**-147**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	-0.02	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	117	78.6	175	201	186	30.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,283**	**10,390**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,641	2,725	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	30.5	186	-83.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.63	0	
Phải thu ngắn hạn	579	663	-12.6%
Hàng tồn kho	1,944	1,805	7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	78.2	71.1	10.0%
Tài sản dài hạn	**7,641**	**7,665**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	65.8	63.8	3.1%
Tài sản cố định	1,013	1,045	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6,375	6,370	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**168**	**167**	**0.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,743	8,811	-0.8%
Nợ ngắn hạn	**6,057**	**6,181**	**-2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,789	2,866	-2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	967	1,074	-10.0%
Nợ dài hạn	2,687	2,630	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,703	1,684	1.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,539**	**1,579**	**-2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,539**	**1,579**	**-2.6%**
Vốn điều lệ	1,840	1,840	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)